



mǎi bu qǐ

买不起

verb · cannot afford

Example Sentence

zuì jìn fáng jià biāo shēng hěn duō rén mǎi bù qǐ fáng zi
最近房价飙升，很多人买不起房子。

Recently, housing prices have skyrocketed, making it unaffordable for many people.

Trace each character, then write the word on your own.

买	买	买	买	买	买	买	买	买											
不	不	不	不	不	不	不													
起	起	起	起	起	起	起	起	起	起	起									
起	起																		